

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/12/2023
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai;
2. Bà Võ Thị Điệp;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 581/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1984;
Địa chỉ: ấp 2, xã Bình Hàng T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1991;
Địa chỉ: ấp 2, xã Bình Hàng T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Minh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị M kết hôn với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hàng H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 16/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thì giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, anh H và chị M đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy đời sống vợ chồng

không hạnh phúc và không thể hàn gắn nên anh Nguyễn Minh H yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 27/7/2013. Hiện nay, con chung đang sống với anh H. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo văn bản ý kiến ghi ngày 10/11/2023 bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M thừa nhận lời trình bày của anh H về việc hai người kết hôn với nhau kết hôn với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hàng H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 16/5/2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của anh H. Hiện nay, anh H và chị M đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị M đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 27/7/2013. Hiện nay, con chung đang sống với anh H. Khi ly hôn, chị M đồng ý để anh H nuôi dưỡng con chung, chị M không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Minh H có đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Nguyễn Thị M là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: ấp 2, xã Bình Hàng T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Minh H và chị Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh H và chị M kết hôn với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 16/5/2012, do đó hôn nhân giữa anh H và chị M là hợp pháp.

Anh H và chị M đều thừa nhận đời sống hôn nhân giữa anh H và chị M phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, anh H và chị M đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh H yêu cầu ly hôn, chị M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh H và chị M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Minh H.

- **Về con chung:** Anh H và chị M có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 27/7/2013. Hiện nay, con chung đang sống với anh H. Khi ly hôn, anh H và chị M thống nhất để anh H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Huỳnh T. Tại bản tự khai ngày 16/11/2023 con chung Nguyễn Thị Huỳnh T có nguyện vọng được sống với anh H. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 27/7/2013 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do anh H là người trực tiếp nuôi con chung và không có yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Nguyễn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Anh H và chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về nợ chung:** Anh H và chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai số 0004439 ngày

05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh H.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 27/7/2013 sẽ do anh Nguyễn Minh H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai số 0004439 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Thắm